TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1027/2025/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 557/2025/TLHNGĐ - ST ngày 01/10/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Huyền K, sinh ngày 12/02/1971
Căn cước công dân số 074171000107
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường An Hội Tây, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Trịnh Chí T, sinh ngày 20/09/1968
Căn cước công dân số 051068000244
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường An Hội Tây, thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 10 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Huyền K và ông Trịnh Chí T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số I/2001, do Ủy ban nhân dân phường O, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2001 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Phan Chí H, sinh ngày 09/11/2002, đã trưởng thành.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Phan Thị Huyền K chịu. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Huyền K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021897 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Phan Thị Huyền K số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Phan Thị Huyền K tự nguyện không nhận án phí hoàn lại nên sung vào công quỹ nhà nước số tiền này.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND KV7;
- PTHADS KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lê Tứ Nhị